

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Vui;
2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 108/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1992. HKTT: Ấp H, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1988. HKTT: Ấp H, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà L có mặt. Bị đơn ông P vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 25/2/2019, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:***

Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Hoàng P chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 18/5/2012. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hợp tính tình nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, thường xảy ra cãi

vã, vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay. Vì vậy, bà L làm đơn ly hôn với ông P.

Quá trình chung sống, bà L và ông P có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 22/9/2012. Bà L yêu cầu giao con chung cho ông Nguyễn Hoàng P nuôi dưỡng, bà L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 750.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Theo đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 27/6/2019 và tại phiên tòa, bà L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Chứng cứ bà L giao nộp: Bản chính đơn khởi kiện ngày 25/2/2019; đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 27/6/2019; bản sao giấy chứng minh nhân dân và bản sao sổ hộ khẩu của bà L; bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh Nguyễn Hoàng Đ; bản tự khai của bà L.

Ngoài ra, bà L không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

** Theo bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng ngày 17/4/2019, bị đơn ông Nguyễn Hoàng P trình bày:*

Ông P đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L, ông đồng ý ly hôn với bà L và đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 22/9/2012 chấp nhận để bà L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 750.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà L có mặt, còn bị đơn ông P được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn ông P là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn, con chung giao cho bị đơn nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc cấp dưỡng nuôi con chung 750.000 đồng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn ông P thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà L có mặt, bị đơn ông P đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông P, kết quả xác minh xác định bị đơn ông P có hộ khẩu thường trú và vẫn đang cư trú tại ấp H, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

[3] Theo đơn xin ly hôn ngày 25/2/2019, nguyên đơn bà L có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung gồm: 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 70R2 – 2429, do ông Nguyễn Hoàng P đứng tên trị giá 25.000.000 đồng; 01 chiếc mô tô hiệu Sonic, biển số 61H1-36070 do ông Nguyễn Hoàng P đứng tên trị giá 50.000.000 đồng; 01 chiếc xe mô tô hiệu Suzuki, biển số 61H1-12212 do ông Nguyễn Hoàng P đứng tên trị giá 70.000.000 đồng và nợ chung gồm có: Nợ Ngân hàng S số tiền 150.000.000 đồng; nợ tiền cầm xe là 25.000.000 đồng của Tiệm cầm đồ Minh Trang 168. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà L đã thanh toán khoản nợ của ngân hàng và đã được Ngân hàng xác nhận theo Văn bản số 001/2019/PGDDT-CNBC ngày 27/7/2019. Đối với số tiền cầm xe tại Tiệm cầm đồ M, hết thời hạn cầm cố, do bà L ông P không thanh toán tiền nên đã thanh lý tài sản cầm cố theo thỏa thuận của các bên. Ngày 27/6/2019, bà L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung và nợ chung nêu trên. Tòa án đã thông báo cho bị đơn ông P biết về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên nhưng ông P không có ý kiến gì. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trên.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà L và ông P tự nguyện chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 18/5/2012. Hôn nhân giữa bà L và ông P là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Nguyên đơn bà L xác định quá trình chung sống bà L và ông P đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L xin được ly hôn với ông P. Ông P có ý kiến đồng ý ly hôn với bà L. Tòa án đã tiến hành xác minh tại cán bộ tư pháp của xã C, xác định bà L và ông P không còn chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay. Bị đơn ông P cố tình vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, cho thấy ông P đã không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm

vợ chồng và mối quan hệ gia đình. Xét tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông P theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa nguyên đơn bà L và bị đơn ông P có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 22/9/2012. Bà L yêu cầu giao con chung cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, bà L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 750.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông P có ý kiến đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận, giao con chung tên Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 22/9/2012 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, bà L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn bà L tự nguyện rút yêu cầu không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, bị đơn không có ý kiến về việc rút yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu tranh chấp tài sản chung, nợ chung của bà L và không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Mỹ L đối với ông Nguyễn Hoàng P về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng P.

1.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*:

Ông Nguyễn Hoàng P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 22/9/2012. Bà Nguyễn Thị Mỹ L có trách

nhệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Hoàng P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Mỹ L không cấp dưỡng nuôi con đúng thời hạn, thì hàng tháng bà L còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Đình chỉ yêu cầu tranh chấp về tài sản chung và nợ chung của nguyên đơn. Không xem xét về tài sản chung, nợ chung.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 2.112.500 đồng (hai triệu một trăm mười hai ngàn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0031260 ngày 25 tháng 2 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Hoàn trả cho bà L số tiền 1.512.500 đồng (một triệu năm trăm mười hai ngàn năm trăm đồng).

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 14/8/2019).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Tuyên